



Những Tuyên ngôn
và Công ước Quốc tế của LHQ
nhằm bảo vệ
các Quyền Con Người,
Quyền Dân sự
và Quyền Chính trị
cho mọi người trên trái đất

Cơ sở Quê Mẹ &
Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam
Paris, 2001

Mục Lục

5

Lịch sử bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền
và những văn kiện bảo vệ Người đấu tranh cho Nhân quyền

11

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc

20

Tuyên ngôn về Quyền và Trách vụ của các cá nhân,
đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và
bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản
được công nhận trên toàn thế giới
(Tuyên ngôn Quốc tế Bảo vệ những Người đấu tranh cho Nhân quyền)

32

Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân sự và Chính trị

47

Công Ước Quốc Tế Về Các Quyền Kinh tế, Xã Hội và Văn Hóa



Cơ sở Quê Mẹ & Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam

B.P. 63 - 94472 Boissy Saint-Léger (France)

☎ Paris (33.1) 45 98 30 85 – Fax : Paris (33.1) 45 98 32 61

E-mail : queme@free.fr

Lịch sử bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và những văn kiện bảo vệ Người đấu tranh cho Nhân quyền

Từng bước một, nhân loại tiến hành cuộc đấu tranh cho quyền con người qua những giai đoạn khác nhau. Tuy vẫn hướng đến mục tiêu duy nhất, là con người được tự do sống trên hành tinh trái đất với tất cả quyền bẩm sinh được hưởng của mình, mà không một chính thể nào có quyền xâm phạm. Đây là điều được thế giới quy định qua bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, do Liên Hiệp Quốc công bố vào ngày 10 tháng 12 năm 1948. Thế là đã trên 50 năm qua, thế giới lấy ngày 10 tháng 12 mỗi năm làm Ngày Quốc tế Nhân Quyền. Kỷ niệm ngày này, các tổ chức nhân quyền, các tổ chức phi chính phủ và nhân dân các nước, đặc biệt tại các quốc gia độc tài, quân phiệt, tìm mọi cách nói lên những vi phạm nhân quyền trong quốc gia mình để kêu gọi thế giới lưu tâm.

Lâu nay, nhiều người cứ nghĩ rằng cha đẻ của văn kiện Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền là ông René Cassin, một nhân sĩ người Pháp. Những chính quyền cộng sản, quân phiệt, phát xít thì lại tố cáo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền biểu trưng cho những ý niệm thuần túy Tây phương, mà lại là Tây phương của Tư bản bóc lột, Tây phương thực dân. Nguyên nhân các ngộ nhận hay chống đối này đến từ sự thiếu hiểu biết hoặc vì thành kiến cố chấp. Trong thực tế, văn kiện

Tuyên ngôn là một quá trình đúc kết dài lâu, qua một tập thể người thuộc nhiều nền văn hóa khác nhau của nhân loại.

Quả thực, ông René Cassin có công dự thảo bản Tuyên ngôn mà ông quy chiếu và gợi hứng từ các bản Tuyên ngôn có trước : hai bản của Cách mạng Pháp (1789 và 1793) được biết dưới tên *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* ; *Habeas corpus* của Anh quốc năm 1679 ; và *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ năm 1776.

Nhưng người ta quên công lao và sự khởi xướng ban đầu của 40 tổ chức Phi chính phủ tại Hoa Kỳ. Nhóm này gợi hứng từ các điều ghi trong Hiến chương LHQ công bố năm 1945 tại San Francisco để hình thành một văn bản tuyên ngôn sơ bộ. Trong Hiến chương ấy đã hàm chứa 6 điều quan trọng đề cao Quyền Con Người làm nền tảng cho Tuyên ngôn sau này. Và dựa theo văn bản của 40 tổ chức Phi chính phủ, ông René Cassin thổi vào luồng gió nhân bản của những tuyên ngôn thuộc hai thế kỷ 17 và 18. Sau đấy, LHQ cho thiết lập một tập thể soạn thảo Tuyên ngôn. Khởi đầu là Ủy hội Nhân quyền ra đời tháng giêng 1946 với cuộc họp đầu tiên gồm 9 thành viên, từ ngày 29.4 đến 20.5.46, do phu nhân cựu Tổng thống Hoa Kỳ, Eleanor Roosevelt, chủ trì cùng với các chuyên gia như ông René Cassin (Pháp), Charles Malik (Liban), Peng-Chun Chang (học giả và đại sứ Trung hoa Dân quốc) và một nhân sĩ Châu Mỹ La tinh. Cuộc họp thứ hai với 18 thành viên, từ ngày 27.1 đến 17.2.1947, bắt tay vào việc soạn thảo Tuyên ngôn. Sau đó còn có 4 cuộc họp nữa mới đi đến văn kiện chính thức được chuẩn y ngày 10.12.1948.

Nhờ công trình của những nhân vật tha thiết yêu thương công lý và con người, bản Tuyên ngôn mới được chào đời. Đây là sự đúc kết của nhiều bộ óc cực kỳ linh mẫn, quyết không để nhân loại bị nghiền nát dưới gót sắt độc tài hay phát xít như vừa xảy ra qua Thế chiến II. Bản tuyên ngôn cũng là sự kết hợp tính nhân đạo thuộc nhiều nền văn minh trong thế giới, chứ không là ý tưởng riêng biệt của Tây phương, như các nhà độc tài cộng sản, giới quân phiệt hay các nhà độc đoán Á châu thường rêu rao. Ví dụ sự đóng góp của ông Peng-Chun Chang đã mang lại tính thâm thúy Đông phương. Chính ông đã bênh vực và đưa vào bản Tuyên ngôn ý niệm và danh từ «Nhân phẩm» (Dignity) vốn không có trước đó.

Ngày 10.12.1948, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc họp tại Điện Chaillet ở Paris chuẩn y và chính thức cho ra chào đời bản **Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền**. Trong năm mươi quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc thời ấy, 40 quốc gia bỏ phiếu thuận, 8 quốc gia bỏ phiếu trắng, 2 nước vắng mặt là Honduras và Yemen. 8 nước bỏ phiếu trắng gồm có 6 nước Cộng sản, Arabie saoudite và Nam Phi.

Tám phiếu trắng nói lên sự không đồng tình với Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Vậy 8 quốc gia ấy không đồng tình ở những điểm nào? Sáu nước cộng sản gồm có Liên Xô và 5 nước chư hầu Ba Lan, Belarus, Tchecoslovaquie, Ukraine và Yougoslavie tháp tùng mẹ hát con khen, chê Tuyên ngôn «lỗi thời», «lạc hậu», Tuyên ngôn có «quá nhiều tự do» mà ý thức hệ cộng sản chê là thứ tự do «hình thức», tạch tạch xè tiểu tư sản. Arabie Saoudite không chấp nhận con người có quyền thay đổi tôn giáo, không chấp nhận kiểu sống một vợ một chồng và không chấp nhận cho phép triệt tiêu chế độ nô lệ. Nam Phi cho là quá đáng việc cấm đoán các phân biệt đối xử.

Hai nước bỏ phiếu thuận nhưng không muốn cho Tuyên ngôn được phổ biến là Anh và Pháp. Vì thời ấy, hai đế quốc này còn lo bảo vệ thuộc địa của họ. Thử nghĩ dân thuộc địa, các dân tộc bị áp bức, mà có trong tay bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, thì văn kiện ấy tức khắc trở thành một vũ khí chiến đấu hợp pháp và lợi hại biết bao !

Ngày nay, vẫn còn nhiều quốc gia chưa công nhận nhân quyền, hoặc công nhận trên giấy tờ nhưng không chịu thực thi trong thực tế xã hội, nhất là tại các nước có thể chế độc đoán, quân phiệt hay độc tài toàn trị. Tại các nước này, những văn kiện quốc tế liên quan đến quyền con người không được phổ biến. Cầm trong tay các văn bản ấy để hô hào đòi thực thi, tất chuốc lụy vào thân, nếu không bị bắt bỏ tù vì tội «tán phán tài liệu phản cách mạng» hoặc «vi phạm an ninh quốc gia».

Do đó, Cơ sở Quê Mẹ và Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam, thấy cần thiết phải dịch và in các văn kiện quan trọng để phổ biến trong và ngoài nước. Khi chưa biết rõ các quyền con người, các tự do căn bản được Liên Hiệp Quốc công nhận và bảo vệ, những người đấu tranh cho nhân quyền tại các nước độc tài sẽ đánh mất vũ khí chiến đấu, qua đó mất luôn sự trợ thủ toàn cầu.

Đó đây đã có một số bản dịch, đặc biệt là bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền cùng vài văn kiện khác. Nhưng chúng tôi chưa hoàn toàn thỏa mãn với các bản dịch ấy, vì một số sai lầm trong khi diễn dịch, vì một số câu kéo khó hiểu hoặc không thuần tai với người Việt. Vì vậy chúng tôi ra công dịch lại hoặc nhuận sắc các bản chưa hoàn hảo. Lấy ví dụ bản Việt ngữ "*Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền của Liên Hợp Quốc*" mà chúng tôi gọi là «Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền» trên Trang nhà (Web site) của Cao ủy Nhân quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève. Chúng tôi ngờ do Hà Nội cung cấp. Theo lẽ, phải là bản chính thức đem ra sử dụng khỏi cần đắn đo. Song than ôi, khi đọc kỹ, chúng tôi không ngờ rằng người dịch văn kiện ấy vô cùng khinh suất, cẩu thả trong nội dung cũng như ngôn ngữ Việt. Gặp trường hợp như thế, chẳng có cách nào khác hơn là ngồi dịch lại.

Nói như trên, không có nghĩa rằng các văn bản của chúng tôi hoàn hảo, không phạm lỗi lầm trong khi dịch hay nhuận. Mà chỉ muốn nói rằng, vì tha thiết với công cuộc đấu tranh bảo vệ quyền con người, chúng tôi nỗ lực hết mình trong việc thực hiện dịch, nhuận và phát hành, nhằm cung cấp các văn kiện nhân quyền cần thiết cho những người tranh đấu, và cố tránh tối đa sự phản dịch. Có những áng văn tuyệt phẩm, nhưng hiếm có những dịch phẩm tuyệt trần. Chắc chắn là trong các văn kiện in hôm nay còn không ít lỗi lầm. Và đây chính là điều chúng tôi trông chờ các bậc cao minh thạc đức điếm xuyết, chỉ giáo. Chúng tôi hết lòng trông mong, để lần tái bản được hoàn mỹ.

Các văn kiện quan trọng trong ấn bản hôm nay gồm có : **Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền – Tuyên ngôn Quốc tế Bảo vệ những Người đấu tranh cho Nhân quyền – Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị – và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa.**

Ngoài bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền ra đời cách nay trên 50 năm mở bước ngoặt mới trong việc tôn trọng và bảo vệ con người mà chúng tôi đã trình bày lịch trình hình thành ở trên, còn có một sự kiện quan trọng khác xảy ra vào thượng tuần tháng 12 năm 1998 tại Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc ở New York nhân kỷ niệm 50 năm Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Đó là sự ra đời của "**Tuyên ngôn về**

Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản được công nhận trên toàn thế giới", chúng tôi gọi tắt là "**Tuyên ngôn Quốc tế Bảo vệ những Người đấu tranh cho Nhân quyền**". Nếu không có sự đấu tranh cật lực và kiên trì hàng chục năm trường của những tổ chức phi chính phủ nổi danh, như Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền, Ân xá Quốc tế, Human Rights Watch, v.v... tại các khóa họp thường niên của Ủy hội Nhân quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève, thì những quốc gia độc đoán, quân phiệt, độc tài đã thành công dim chết văn kiện quan trọng này, không cho văn bản thông qua và hiện hữu. Trước các quốc gia độc tài trong thế giới, những tổ chức nhân quyền phi chính phủ đã thu đạt thắng lợi hy hữu. Bởi vì kể từ khi «**Tuyên ngôn Quốc tế Bảo vệ những Người đấu tranh cho Nhân quyền**» ra đời, thì những người đấu tranh trong thế giới mới được bảo vệ trên mặt pháp lý quốc tế, và Liên Hiệp Quốc là chỗ dựa vững chắc cho những Đấu sĩ nhân quyền. Ngay trong Lời nói đầu của Tuyên ngôn đã xác định : «*Quốc gia có trách nhiệm đầu tiên và có bốn phận làm thăng tiến cũng như bảo vệ các quyền con người và các tự do căn bản*», mặt khác, «*Các cá nhân, nhóm và hội đoàn có quyền và trách nhiệm làm thăng tiến sự tôn trọng các quyền con người và các tự do căn bản, cũng như tuyên dương các quyền ấy trên bình diện quốc gia và quốc tế*». Như vậy thì các Đấu sĩ nhân quyền tại các nước độc tài có thể khai thác tối đa văn kiện này để bảo vệ sinh mệnh đấu tranh cho chính mình và tổ chức của mình.

Hẳn nhiên ngoài hai văn kiện vừa kể, còn có **Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị** và **Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa** cũng không kém phần quan trọng trong việc bảo vệ và thăng tiến quyền con người trong thế giới nói chung, và Quyền làm Người Việt Nam nói riêng tại nước ta.○

VÕ VĂN ÁI

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc

Được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc thông qua và công bố theo Nghị quyết số 217 (III), ngày 10 tháng 12 năm 1948

Lời nói đầu

Nhận định rằng việc thừa nhận phẩm giá bẩm sinh của tất cả các thành viên trong gia đình nhân loại, cũng như các quyền bình đẳng và không thể tách rời, là nền tảng của tự do, công lý và hoà bình trên thế giới,

Nhận định rằng sự xâm phạm và coi thường nhân quyền đã dẫn đến những hành động tàn bạo, xâm phạm tới lương tâm nhân loại, và việc xây dựng một thế giới trong đó con người được tự do ngôn luận và tín ngưỡng, thoát khỏi sự khủng bố và nghèo khổ, được coi là nguyện vọng cao cả nhất của loài người,

Nhận định rằng nhân quyền phải được pháp luật bảo vệ để mỗi người không buộc phải nổi loạn như là biện pháp cuối cùng để chống lại chế độ cường quyền và áp bức,

Nhận định rằng điều cốt yếu là phải khuyến khích việc phát triển quan hệ thân hữu giữa các dân tộc,

Nhận định rằng, qua bản Hiến chương, nhân dân các nước thành viên Liên Hiệp Quốc đã một lần nữa khẳng định niềm tin của mình vào những quyền căn bản của con người, vào phẩm giá, vào giá trị của mỗi người, vào quyền bình đẳng nam nữ, và đã tuyên bố quyết tâm thúc

đẩy tiến bộ xã hội và thiết lập những điều kiện sống tốt đẹp trong sự tự do rộng rãi,

Nhận định rằng các quốc gia thành viên đã cam kết bảo đảm hợp tác với tổ chức Liên Hiệp Quốc để những quyền con người và các tự do căn bản được tôn trọng và đạt hiệu lực khắp nơi,

Nhận định rằng một quan niệm chung về những quyền và các tự do ấy mang ý nghĩa tối quan trọng để thực hiện đầy đủ sự cam kết này,

ĐẠI HỘI ĐỒNG TUYÊN BỐ :

BẢN TUYÊN NGÔN QUỐC TẾ NHÂN QUYỀN này là lý tưởng chung mà tất cả các dân tộc, tất cả các quốc gia phải đạt tới để cho mọi cá nhân và mọi tổ chức trong xã hội luôn ghi nhớ bản Tuyên ngôn này, để nỗ lực phát triển sự tôn trọng những quyền và các tự do căn bản của con người, thông qua giảng dạy và giáo dục, cũng như bảo đảm từng bước bằng những biện pháp trên bình diện quốc gia và quốc tế thừa nhận và áp dụng có hiệu quả ở khắp nơi trong dân cư của chính các quốc gia thành viên và trong dân cư thuộc các lãnh thổ đặt dưới pháp chế của các quốc gia này

Điều 1

Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và về các quyền. Tư chất mọi người đều có lý trí và lương tâm và phải đối xử với nhau trong tinh thần thiện chí.

Điều 2

Mỗi người đều được hưởng tất cả những quyền và tất cả các tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này, mà chẳng hề có sự phân biệt nào, nhất là sự phân biệt đối xử vì chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay các quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay mọi hoàn cảnh khác.

Hơn nữa, cũng không được có sự phân biệt đối xử nào dựa vào quy chế chính trị, pháp lý hay quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ, mà một cá nhân mang quốc tịch, dù quốc gia hay lãnh thổ ấy được độc lập, được bảo hộ, không tự chủ hay bị hạn chế nào đó về chủ quyền.

Điều 3

Mọi cá nhân đều có quyền sống, quyền tự do và quyền về an toàn cá nhân của mình.

Điều 4

Không ai bị bắt làm nô lệ hay bị nô dịch ; chế độ nô lệ và việc buôn bán nô lệ đều bị cấm dưới mọi hình thức.

Điều 5

Không ai phải chịu tra tấn, phải chịu hình phạt hay những đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc bị hạ thấp phẩm giá.

Điều 6

Mỗi người đều có quyền được thừa nhận tư cách pháp nhân của mình ở khắp mọi nơi .

Điều 7

Tất cả mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ ngang nhau, mà không bị bất cứ sự phân biệt đối xử nào. Tất cả mọi người đều có quyền được bảo vệ ngang nhau chống lại mọi sự phân biệt đối xử vi phạm bản Tuyên ngôn này và chống lại mọi điều gây ra sự phân biệt đối xử ấy.

Điều 8

Mọi người đều có quyền khiếu nại một cách hiệu quả đến các cơ quan pháp lý quốc gia có thẩm quyền chống lại những hành vi vi phạm các quyền căn bản mà hiến pháp hay luật pháp thừa nhận.

Điều 9

Không ai có thể bị bắt, bị giam giữ hay bị lưu đày một cách tùy tiện.

Điều 10

Với sự bình đẳng toàn triệt, mọi người đều có quyền trình bày nguồn cơn một cách công minh và công khai trước một toà án độc lập và không thiên vị, để tòa án này quyết định các quyền hay nghĩa vụ của họ, hoặc quyết định xem việc buộc tội họ về mặt hình sự có cơ sở hay không.

Điều 11

1. Mọi người bị buộc tội có hành vi phạm tội, được xem là vô tội cho đến khi sự phạm tội của người ấy được xác định một cách hợp pháp trong một cuộc xét xử công khai, qua đó, có những bảo đảm cần thiết cho quyền biện hộ của người ấy, chứng minh được tội trạng của người ấy dựa trên cơ sở luật pháp.

2. Không ai bị kết tội vì những hành vi hay những sơ xuất mà khi phạm phải, chúng không là một hành vi phạm tội theo luật pháp quốc gia hay quốc tế. Cũng vậy, không được áp dụng một hình phạt nào nặng hơn hình phạt được áp dụng lúc có hành vi phạm tội.

Điều 12

Không ai phải chịu những sự can thiệp tùy tiện vào đời sống riêng tư, gia đình, nơi ở hay thư từ của mình, cũng như không ai phải chịu những sự xâm phạm tới danh dự và danh tiếng của mình. Mọi người đều có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những sự can thiệp hay xâm phạm như vậy.

Điều 13

1. Mọi người đều có quyền tự do đi lại và có quyền lựa chọn nơi cư trú của mình trong một quốc gia.

2. Mọi người đều có quyền rời bỏ bất cứ nước nào, kể cả nước mình, cũng như có quyền trở về nước mình.

Điều 14

1. Khi bị truy hại, mọi người đều có quyền tìm nơi nương náu và có quyền được lưu trú ở các quốc gia khác.

2. Quyền này không được viện dẫn trong trường hợp đương sự thực sự bị truy tố vì một tội vi phạm luật phổ thông hay đối với những hành động trái với những mục đích và những nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc.

Điều 15

1. Mọi người đều có quyền có quốc tịch.

2. Không ai có thể bị tùy tiện tước bỏ quốc tịch cũng như bị tước bỏ quyền thay đổi quốc tịch.

Điều 16

1. Nam hay nữ đến tuổi thành hôn đều có quyền kết hôn và lập gia đình, mà không bị bất cứ hạn chế nào về chủng tộc, quốc tịch hay tôn giáo. Họ có quyền bình đẳng trong việc kết hôn, hôn nhân và lúc ly hôn.

2. Hôn nhân chỉ được kết ước với sự thỏa thuận tự do và hoàn toàn tự nguyện của cặp vợ chồng tương lai.

3. Gia đình là một yếu tố tự nhiên và căn bản của xã hội, được xã hội và Nhà nước bảo hộ.

Điều 17

1. Mọi người đều có quyền sở hữu tài sản riêng hay chung với những người khác.

2. Không ai có thể bị tước đoạt sở hữu của mình một cách tùy tiện.

Điều 18

Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo, quyền này bao gồm quyền tự do thay đổi tôn giáo hay niềm tin, cũng như quyền tự do, tự mình hay chung với người khác, biểu hiện tôn giáo hay niềm tin của mình nơi riêng tư hay công cộng, thông qua thuyết giảng, thực hành, thờ cúng và thực hiện các nghi lễ.

Điều 19

Mỗi cá nhân đều có quyền tự do về ý kiến và ngôn luận, quyền này bao gồm cả quyền không bị quấy rối về những ý kiến của mình và quyền tìm kiếm, thu nhận và phổ biến những thông tin và những ý nghĩ bằng bất cứ phương tiện diễn đạt nào, vượt trên mọi biên giới.

Điều 20

1. Trong cung cách thuận hòa, mọi người đều có quyền tự do hội họp và quyền tự do lập hội.

2. Không ai bị bắt buộc phải tham gia một hội nào.

Điều 21

1. Mọi người đều có quyền tham gia vào chính quyền của nước mình, hoặc trực tiếp hoặc qua trung gian những đại diện mà họ tự do lựa chọn.

2. Bằng những điều kiện bình đẳng, mọi người đều có quyền đảm nhận những chức vụ công cộng của nước mình.

3. Ý chí của nhân dân là nền tảng uy quyền của các quyền lực công cộng ; ý chí đó phải được thể hiện bằng các cuộc bầu cử trung thực được tổ chức định kỳ và thực sự, theo nguyên tắc bỏ phiếu phổ

thông bình đẳng và được bỏ phiếu kín, hoặc theo một thủ tục tương tự nhằm bảo đảm sự tự do đầu phiếu.

Điều 22

Là thành viên của xã hội, mọi người đều có quyền được hưởng bảo hiểm xã hội ; sự bảo hiểm này cốt thỏa mãn các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá không thể thiếu đối với phẩm giá và cho sự tự do phát triển nhân cách của mỗi người, thông qua nỗ lực quốc gia và sự hợp tác quốc tế, tùy thuộc theo tổ chức và các nguồn lực của mỗi quốc gia.

Điều 23

1. Mọi người đều có quyền lao động, tự do lựa chọn công việc của mình, theo những điều kiện bình đẳng và thỏa đáng với việc làm, cũng như được bảo vệ chống thất nghiệp.

2. Mọi người đều có quyền được hưởng tiền công ngang nhau cho cùng một công việc, mà không chịu bất cứ sự phân biệt đối xử nào.

3. Ai làm việc cũng đều có quyền được hưởng chế độ thù lao công bằng và vừa ý, bảo đảm cho họ cũng như gia đình họ một cuộc sống phù hợp với nhân phẩm và được bổ sung bằng tất cả những phương tiện bảo vệ xã hội, khi có thể.

4. Mọi người đều có quyền cùng với những người khác thành lập các công đoàn và tham gia các công đoàn để bảo vệ những quyền lợi của mình.

Điều 24

Mọi người đều có quyền nghỉ ngơi và giải trí, nhất là có quyền được giới hạn hợp lý về số giờ làm việc và được nghỉ phép thường kỳ có trả lương.

Điều 25

1. Mọi người đều có quyền hưởng đủ mức sống, để bảo đảm sức khỏe và phúc lợi của mình và của gia đình mình, nhất là về ăn, mặc, chỗ ở, chăm sóc y tế cũng như các dịch vụ xã hội cần thiết ; có quyền được bảo hiểm khi bị thất nghiệp, ốm đau, tàn phế, goá bụa, già cả, hay trong các trường hợp khác khi bị mất khả năng sinh sống do những hoàn cảnh không phụ thuộc vào ý muốn của mình.

2. Trong thời kỳ phụ nữ sinh nở và nuôi con nhỏ, họ có quyền được giúp đỡ và cứu tế đặc biệt. Tất cả trẻ em sinh ra do hôn nhân hay ngoài hôn nhân đều được xã hội bảo trợ như nhau.

Điều 26

1. Mọi người đều có quyền về giáo dục. Giáo dục phải được miễn phí, ít nhất ở cấp sơ đẳng và cấp cơ sở. Cưỡng bách giáo dục ở cấp sơ đẳng. Giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp phải được phổ cập ; giáo dục cao đẳng phải được hoàn toàn bình đẳng cho tất cả mọi người theo tài năng của họ.

2. Giáo dục phải làm nảy nở toàn vẹn nhân cách cũng như tăng cường sự tôn trọng những quyền con người và các tự do căn bản. Giáo dục phải tạo thuận lợi cho sự hiểu biết lẫn nhau, lòng khoan dung và tình thân hữu giữa tất cả các quốc gia, giữa tất cả các nhóm chủng tộc hay tôn giáo, cũng như sự phát triển các hoạt động của Liên Hiệp Quốc nhằm duy trì hoà bình.

3. Bậc cha mẹ có quyền ưu tiên lựa chọn chế độ giáo dục cho con cái mình.

Điều 27

1. Mọi người đều có quyền tự do tham gia đời sống văn hoá của cộng đồng, được hưởng thụ các ngành nghệ thuật và tham gia vào sự tiến bộ kỹ thuật cũng như hưởng các lợi ích do tiến bộ này đem lại.

2. Mọi người đều có quyền được bảo hộ về những quyền lợi tinh thần và vật chất xuất phát từ mọi sản phẩm khoa học, văn học hay nghệ thuật mà mình là tác giả.

Điều 28

Mọi người đều có quyền được hưởng một trật tự xã hội cũng như một trật tự quốc tế, trong đó những quyền và các tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này mang đầy đủ hiệu lực.

Điều 29

1. Cá nhân có những bổn phận đối với cộng đồng, là nơi mà họ được tự do và phát triển đầy đủ nhân cách.

2. Trong việc thực hiện những quyền và hưởng thụ các tự do của mình, mỗi người chỉ chịu những giới hạn do luật định, mà luật pháp này nhằm mục tiêu duy nhất là bảo đảm sự thừa nhận và tôn trọng những quyền và các tự do của người khác, cũng như thỏa mãn những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

3. Không một trường hợp nào, những quyền và các tự do thực hiện trái với những mục đích và những nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc.

Điều 30

Không một quy định nào của bản Tuyên ngôn này được lý giải để cho phép một quốc gia, một nhóm hay một cá nhân nào có quyền buông thả vào một hoạt động hay hành vi nhằm hủy phá những quyền và các tự do nêu trong bản Tuyên ngôn.

Tuyên ngôn

về Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản được công nhận trên toàn thế giới

(gọi tắt là **Tuyên ngôn Quốc tế Bảo vệ những Người đấu tranh cho Nhân quyền**)

Quyết Nghị của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc 53/144

Đại hội đồng,

Tái khẳng định rằng điều quan trọng là phải tuân thủ những mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc để thăng tiến và bảo vệ các quyền con người và tất cả các quyền tự do căn bản cho mọi người trong mọi quốc gia trên thế giới,

Tham chiếu Quyết nghị 1998/7 của Ủy hội Nhân quyền ngày 3.4.1998, xem *Các tài liệu chính thức của Hội đồng Kinh tế và Xã hội, 1998, phần Bổ sung số 3, chương II, đoạn A.*, qua đó Ủy hội chuẩn y văn bản của Dự án Tuyên ngôn về Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản được công nhận trên toàn thế giới,

Cũng tham chiếu Quyết nghị 1998/33 của Hội đồng Kinh tế và Xã hội ngày 30.7.1998, qua đó Hội đồng khuyến cáo Đại hội đồng thông qua dự án Tuyên ngôn,

Ý thức đến tầm quan trọng của việc chuẩn y dự án Tuyên ngôn trong bối cảnh Năm mươi năm Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế theo Quyết nghị 217 A (III).,

- 1. Thông qua Tuyên ngôn về Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và các cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các Quyền con người cùng những Tự do căn bản kèm trong phần phụ lục của Quyết nghị này ;*
- 2. Thỉnh mời các chính phủ, các cơ quan và cơ cấu của Liên Hiệp Quốc và các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ tăng cường nỗ lực nhằm phổ biến Tuyên ngôn cũng như làm thăng tiến sự tôn trọng và hiểu biết trên cơ sở toàn cầu, và yêu cầu ông Tổng Thư ký ban hành văn bản Tuyên ngôn trong ấn bản sắp tới của tài liệu *Nhân quyền : Vững tập những văn kiện quốc tế.**

Khóa họp khoáng đại lần thứ 85

9.12.1998

Tuyên ngôn Quốc tế Bảo vệ những Người đấu tranh cho Nhân Quyền

Phụ đính Tuyên ngôn về Quyền và Trách vụ của các cá nhân, đoàn thể và cơ quan trong xã hội nhằm thăng tiến và bảo vệ các

quyền con người và những quyền tự do căn bản đã được công nhận trên toàn thế giới. Số tham chiếu E/CN.4/1998/L.18 Annexe.

Lời nói đầu

Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc

Tái khẳng định rằng điều quan trọng là phải tuân thủ những mục đích và nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc để thăng tiến và bảo vệ các quyền con người và tất cả các quyền tự do căn bản cho mọi người trong mọi quốc gia trên thế giới,

Tái khẳng định rằng sự quan trọng của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền cùng những Công ước quốc tế liên quan đến quyền con người, là những yếu tố chủ yếu cho những nỗ lực quốc tế nhằm thăng tiến sự tôn trọng phổ quát quyền con người và các tự do căn bản, cũng như sự quan trọng của các văn kiện khác liên quan đến quyền con người, do các cơ quan Liên Hiệp Quốc thông qua, cùng với những nỗ lực thực hiện ở cấp khu vực,

Nhấn mạnh rằng, cùng kết hợp chung nhau hay khi đứng riêng lẻ, tất cả mọi thành viên trong cộng đồng quốc tế phải làm hết nghĩa vụ trọng thể hầu thăng tiến và khuyến khích tôn trọng quyền con người và các quyền tự do căn bản cho mọi người, bất kể ai, nhất là không phân biệt đối xử vì chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay mọi quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc các điều kiện khác, và đặc biệt tái khẳng định rằng điều quan trọng là thực hiện cuộc hợp tác quốc tế để hoàn thành nghĩa vụ này theo đúng Hiến chương Liên Hiệp Quốc,

Thừa nhận vai trò quan trọng của cuộc hợp tác quốc tế và sự nghiệp tuyệt đối hữu ích của các cá nhân, các nhóm và các hội đoàn trong việc loại trừ một cách có hiệu quả mọi vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản đối với các dân tộc và tất cả mọi người, hiển nhiên nhất là những vi phạm nặng nề có hệ thống, như những vi phạm phát

xuất từ chủ nghĩa *apartheid*, mọi hình thức phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân, sự đô hộ hay ngoại bang chiếm đóng, sự xâm lược hay đe dọa chủ quyền quốc gia, sự thống nhất quốc gia hay toàn vẹn lãnh thổ, cũng như sự khước từ quyền tự quyết của các dân tộc, quyền của mỗi dân tộc sử dụng chủ quyền đầy đủ và toàn bộ trên tài sản và những tài nguyên thiên nhiên,

Thừa nhận, một mặt, là tương quan tồn tại trong hòa bình và an ninh thế giới, mặt khác, sự hưởng dụng các quyền con người và các tự do căn bản, và tự giác rằng sự thiếu vắng hòa bình và an ninh thế giới không là lý do thoái thác để không tôn trọng các quyền và tự do này, Nhắc nhở lại rằng các quyền con người và tất cả các tự do căn bản là phổ quát, không thể phân chia, tương quan và liên đới lẫn nhau, cần được thăng tiến và làm cho có hiệu lực một cách công minh, không gây tổn hại quyền này khi vận dụng quyền kia,

Nhấn mạnh rằng Quốc gia có trách nhiệm đầu tiên và có bổn phận làm thăng tiến cũng như bảo vệ các quyền con người và các tự do căn bản,

Thừa nhận rằng các cá nhân, nhóm và hội đoàn có quyền và trách nhiệm làm thăng tiến sự tôn trọng các quyền con người và các tự do căn bản, cũng như tuyên dương các quyền ấy trên bình diện quốc gia và quốc tế,

Tuyên bố:

Điều 1

Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền thăng tiến việc bảo vệ và thực hiện các quyền con người và các tự do căn bản trên bình diện quốc gia và quốc tế.

Điều 2

1. Mỗi quốc gia có trách nhiệm và bổn phận trên hết để bảo vệ, thăng tiến một cách hiệu quả tất cả các quyền con người và tất cả các tự do căn bản, nhất là chấp nhận những biện pháp cần thiết để thiết lập những điều kiện xã hội, kinh tế, chính trị và những lĩnh vực khác, cũng như những bảo đảm pháp lý đòi hỏi để tất cả mọi người đặt dưới pháp chế quốc gia, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, có thể hưởng dụng trong thực tế tất cả các quyền và các tự do này.

2. Mỗi quốc gia chấp nhận những tiêu chuẩn luật pháp, hành chính cùng những tiêu chuẩn cần thiết khác, để theo dõi xem các quyền và các tự do mà tuyên ngôn này nhắm tới có được bảo đảm một cách có hiệu lực hay không.

Điều 3

Những quy định trong luật pháp quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên Hiệp Quốc và những nghĩa vụ quốc tế của quốc gia ấy trên lĩnh vực nhân quyền và các tự do căn bản được dùng làm khung pháp lý, hầu thể hiện sự thực thi những quyền con người và các tự do căn bản, cũng như tất cả mọi hoạt động được nhắm tới trong bản tuyên ngôn này, y theo mục tiêu làm thăng tiến, bảo vệ và thực hiện có hiệu lực cho các quyền và các tự do ấy.

Điều 4

Không một quy định nào trong bản tuyên ngôn này được lý giải nhằm gây thiệt hại cho những mục đích và những nguyên tắc của Hiến chương Liên Hiệp Quốc, hay cấu thành một sự hạn chế hoặc một vi phạm đối với những quy định trong bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, trong những Công ước liên quan đến nhân quyền và những văn bản cũng như những cam kết quốc tế khác áp dụng trong lĩnh vực này.

Điều 5

Nhằm thăng tiến và bảo vệ quyền con người và các tự do căn bản, mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền trên bình diện quốc gia hay quốc tế :

- a) Hội họp và tụ tập một cách thuận hòa ;
- b) Thành lập những tổ chức, những hội đoàn hay những nhóm phi chính phủ, gia nhập và tham dự vào những tổ chức, những hội đoàn, những nhóm phi chính phủ ấy ;
- c) Thông báo với những tổ chức phi chính phủ hay liên chính phủ.

Điều 6

Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền :

- a) Lưu giữ, tìm kiếm, thu thập, nhận và bảo quản những thông tin về tất cả các quyền con người và tất cả các tự do căn bản, nhất là được toàn quyền tiếp xúc với những thông tin liên quan đến cách ứng dụng các quyền và các tự do qua những hệ thống lập pháp, tư pháp hay hành chính quốc gia ;
- b) Xuất bản, thông báo cho người khác hay phổ biến tự do mọi ý kiến, mọi thông tin và mọi kiến thức về các quyền con người và các tự do căn bản, y theo sự quy định của những văn bản quốc tế liên quan đến các quyền con người và những văn bản quốc tế khác có thể áp dụng ;
- c) Nghiên cứu, thảo luận, đánh giá và lượng định sự tôn trọng, trên pháp lý cũng như trong thực hành, tất cả các quyền con người và tất cả các tự do căn bản, và làm cho công chúng chú ý đến vấn đề này bằng cách này hay mọi cách thích hợp khác.

Điều 7

Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền dự kiến những nguyên tắc mới và những ý kiến trong lĩnh vực nhân quyền, thảo luận về nhân quyền và làm thăng tiến sự hiểu biết về nhân quyền.

Điều 8

1. Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác và trên căn bản không phân biệt đối xử, đều có quyền tham gia hữu hiệu vào chính quyền nước họ và vào việc quản lý việc công.

2. Nhất là quyền này bao hàm quyền, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đệ trình các cơ quan và các thiết chế quốc gia, cũng như các cơ cấu đảm lãnh việc công, những phê phán và những đề nghị nhằm cải thiện sự tiến hành các cơ quan này và báo hiệu về mọi mặt công tác của họ có nguy cơ gây trở ngại hay ngăn cản sự thăng tiến, bảo vệ và thực hiện nhân quyền cùng các tự do căn bản.

Điều 9

1. Trong việc thực thi nhân quyền và các tự do căn bản, kể cả quyền thăng tiến và bảo vệ nhân quyền mà tuyên ngôn này nhắm đến, mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền thượng tố hữu hiệu và được bảo vệ khi các quyền này bị xâm phạm.

2. Cùng với mục tiêu này, mọi người khi bị vi phạm các quyền hay các tự do, đều có quyền khiếu nại, hoặc tự cá nhân họ hoặc qua trung gian của một người đại diện được luật pháp cho phép, và đòi cứu xét nhanh chóng đơn khiếu nại trước cử tọa công cộng của tòa án hay trước bất cứ cơ quan quyền lực được luật pháp thiết chế, cơ quan này phải độc lập, không thiên vị và có thẩm quyền, để cơ quan quyền lực ấy lấy quyết định chiếu theo luật pháp dự kiến cho việc sửa sai, kể cả việc bồi thường tổn hại, nếu đã thực tình vi phạm các quyền hay các tự

do của họ, cũng như áp dụng không trì hoãn thái quá khi có quyết định và sự tuyên xử.

3. Cùng với mục tiêu này, mọi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền nhất là :

a) Khiếu nại chính sách và hành động của các viên chức và các cơ quan Nhà nước đã vi phạm các quyền con người hay các tự do căn bản, bằng cách gửi kiến nghị hoặc bằng những phương tiện thích hợp khác đến các cơ quan quyền lực tư pháp, hành chính hay lập pháp quốc gia có thẩm quyền, hay đến mọi cơ quan quyền lực có thẩm quyền khác thuộc hệ thống tư pháp Quốc gia. Các cơ quan quyền lực này phải lấy quyết định cho đơn khiếu nại mà không được trì hoãn thái quá ;

b) Được tham dự các phiên tòa, các trình tự tố tụng và các buổi xử án công cộng, để có thể đánh giá sự tuân thủ các luật pháp quốc gia cùng sự áp dụng những nghĩa vụ và những cam kết quốc tế ;

c) Được mời hay nhờ một phụ tá pháp lý chuyên nghiệp hay ai khác cố vấn và yểm hộ thích đáng để bảo vệ các quyền con người và các tự do căn bản.

4. Cũng với mục tiêu này, và y theo các thủ tục và các văn bản quốc tế được áp dụng, mọi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều hoàn toàn có quyền gửi tới những cơ quan quốc tế có thẩm quyền nói chung hay đặc biệt để thu nhận và cứu xét những thông báo liên quan đến nhân quyền, và được tự do truyền đạt tới các cơ quan này.

5. Quốc gia phải điều tra nhanh chóng và không thiên vị hay chăm chú theo dõi để cho thủ tục thẩm cứu được khởi sự khi có những lý do tin rằng vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản đã xảy ra trên toàn lãnh thổ đặt dưới pháp chế của mình.

Điều 10

Không ai có quyền tham gia vào việc vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản, bằng cách can thiệp, hoặc tránh can thiệp khi hoàn cảnh bắt buộc, và không ai bị trừng phạt hay bị quấy nhiễu vì đã từ chối vi phạm các quyền và các tự do này.

Điều 11

Mọi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền y theo luật pháp thực hiện việc riêng mình hay nghề nghiệp. Bất cứ ai, vì nghề nghiệp hay việc riêng mình, xúi phải xâm phạm phẩm giá con người, các quyền con người và các tự do căn bản của người khác, thì phải biết tôn trọng các quyền và những tự do ấy, và y theo các tiêu chuẩn thích đáng trong việc cư xử hay đạo đức học nghề nghiệp của quốc gia hay quốc tế.

Điều 12

1. Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền tham gia các hoạt động hòa bình để đấu tranh chống mọi vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản.

2. Quốc gia sử dụng mọi biện pháp cần thiết để theo dõi việc các nhà chức trách có thẩm quyền phải bảo vệ mọi người khi các người này, tự cá nhân họ hay liên hợp với những người khác, trong khuôn khổ thi hành chính đáng các quyền mà bản tuyên ngôn này nhằm tới, chống lại các bạo động, đe dọa, hành động trả thù, phân biệt đối xử trong thực tế hay theo pháp lý, gây áp lực hoặc dùng các hành động võ đoán khác. Về phương diện này, mọi người, tự cá nhân họ hay liên hợp với những người khác, đều được quyền bảo vệ hữu hiệu bằng luật pháp quốc gia khi mà bằng những phương tiện hòa bình, cá nhân này chống lại những hoạt động và những hành vi, kể cả những hoạt động và những hành vi sơ xuất, mà Nhà nước phạm phải, dẫn đến những vi phạm nhân quyền và các tự do căn bản, cũng như chống lại những

hành vi bạo động mà các nhóm hay các cá nhân phạm phải làm cản trở sự thi hành các quyền và các tự do căn bản.

Điều 13

Mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, đều có quyền xin, nhận và sử dụng tài nguyên cho mục đích mình bạch để, bằng phương tiện hòa bình, làm thăng tiến và bảo vệ nhân quyền và các tự do căn bản, y theo điều 3 trong tuyên ngôn này.

Điều 14

1. Quốc gia có trách nhiệm xử trí với những biện pháp thích hợp trên bình diện lập pháp, tư pháp, hành chính hay mọi biện pháp khác nhằm gây ý thức về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa cho mọi người đặt dưới pháp chế quốc gia.

2. Những biện pháp này bao gồm, nhất là :

a) Xuất bản với quyền sử dụng rộng rãi những văn bản luật pháp cùng những pháp quy quốc gia và những văn bản quốc tế căn bản thích dụng liên quan đến nhân quyền ;

b) Trên căn bản bình đẳng, được quyền tham khảo trọn vẹn các tài liệu quốc tế trên lĩnh vực nhân quyền, kể cả những phúc trình thường kỳ do Quốc gia cung cấp cho các cơ quan được thiết lập y theo các văn bản quốc tế liên quan đến nhân quyền mà quốc gia ấy tham gia, cũng như những báo cáo phân tích do các cơ quan này thực hiện sau khi khảo sát những phúc trình đệ nạp, cũng như những phúc trình chính thức của các cơ quan ấy.

3. Khi được thỏa thuận, Quốc gia khuyến khích và yểm trợ việc thiết lập và phát triển những thiết chế quốc gia có tính độc lập, nhằm thăng tiến và bảo vệ nhân quyền cùng các tự do căn bản trên toàn quốc thuộc pháp chế quốc gia. (Việc này được thực hiện) qua một người trung gian hòa giải, một ủy hội nhân quyền, hay các mô hình thiết chế nào khác của quốc gia.

Điều 15

Quốc gia có trách nhiệm tăng tiến và tạo điều kiện dễ dàng trong việc giáo dục nhân quyền cùng các tự do căn bản ở mọi cấp học đường, và khuyến khích các chuyên gia đưa vào chương trình huấn luyện những yếu tố tương ứng với giáo dục nhân quyền trong việc đào luyện các luật sư, các người phụ trách thi hành luật pháp, các nhân viên quân đội và các viên chức nhà nước.

Điều 16

Các cá nhân, các tổ chức phi chính phủ và các thiết chế có thẩm quyền đóng vai trò trọng yếu trong việc làm cho công chúng nhạy cảm về những vấn đề liên quan đến nhân quyền và các tự do căn bản, đặc biệt trong phạm vi công tác giáo dục, huấn luyện và nghiên cứu trên các lĩnh vực này, nhất là nhằm củng cố sự hiểu biết, khoan dung, hòa bình cùng những liên hệ thân hữu giữa các quốc gia, cũng như giữa các nhóm chủng tộc và tôn giáo, lượng theo sự dị biệt trong xã hội, trong các cộng đồng mà họ công tác.

Điều 17

Trong khi thực hành các quyền và các tự do mà tuyên ngôn này nhằm tới, mỗi người, tự cá nhân mình hay liên hợp với những người khác, phải phục tùng những hạn định quy chiếu theo các tiêu chuẩn quốc tế hiện hành và do luật pháp thiết lập, nhằm bảo đảm sự công nhận và tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do của người khác, hầu thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng của đạo đức, của trật tự công cộng và của phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

Điều 18

1. Mỗi người đều có nghĩa vụ đối với cộng đồng, nơi cá tính họ được tự do và phát triển hoàn mãn.

2. Các cá nhân, các nhóm, các thiết chế và tổ chức phi chính phủ đóng vai trò trọng yếu trong việc bảo vệ dân chủ, thăng tiến nhân quyền và các tự do căn bản, trong việc đóng góp làm thăng tiến và tiến hóa cho xã hội, cho các thiết chế và các tiến trình dân chủ, cũng như trong trách vụ nhắm tới các phương diện này.

3. Trong cùng ý tưởng ấy, các cá nhân, các nhóm, các thiết chế và các tổ chức phi chính phủ, tùy theo sự thỏa thuận, đóng vai trò quan trọng trong việc thăng tiến quyền cho mọi người được hưởng một trật tự xã hội và kinh tế, trong đó các quyền và các tự do căn bản tuyên xưng trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và trong những văn bản khác liên quan đến nhân quyền, có thể thực hiện trọn vẹn, cũng như trách vụ hoá thành ở bất cứ trường hợp nào.

Điều 19

Không một quy định nào trong bản tuyên ngôn này được lý giải khiến cho một cá nhân, một nhóm hay một cơ quan xã hội, hay một Quốc gia, có quyền tiến hành một hoạt động hay một hành vi nhằm phá hoại nhân quyền và các tự do căn bản mà bản tuyên ngôn này nhắm tới.

Điều 20

Cũng không một quy định nào trong bản tuyên ngôn này được lý giải nhằm cho phép các Quốc gia hậu thuẫn hay khuyến khích những hoạt động của các cá nhân, các nhóm, các thiết chế hay tổ chức phi chính phủ đi ngược với những quy định trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Bì chú : Văn bản được in trong phần phụ đính của dự án Quyết Nghị E/CN.4/1998/L.18 của Ủy hội Nhân quyền, được thông qua không bỏ phiếu ngày 3.4.1998.

Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân sự và Chính trị

Thông qua và để ngỏ cho các nước ký kết, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc số 2200 A (XXI) ngày 16-12-1966.

Có hiệu lực ngày 23-3-1976 căn cứ theo điều 49.

Việt Nam gia nhập ngày 24-9-1982.

Lời Nói Đầu

Các Quốc gia thành viên của Công ước này,

Xét rằng theo những nguyên tắc nêu trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc, việc công nhận phẩm giá cố hữu và những quyền bình đẳng và các quyền bất di bất dịch của mọi thành viên trong cộng đồng nhân loại là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới,

Thừa nhận rằng những quyền này bắt nguồn từ phẩm giá cố hữu của con người,

Thừa nhận rằng theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền thì lý tưởng của con người tự do là phải được tận hưởng các quyền tự do về dân sự và chính trị, thoát ly khỏi sự sợ hãi và thiếu thốn, nếu tạo được những điều kiện để mỗi người có thể hưởng các quyền dân sự và chính trị cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của mình,

Xét rằng theo Hiến chương Liên Hiệp Quốc thì các quốc gia có nghĩa vụ thúc đẩy sự tôn trọng và bảo đảm mọi mặt các quyền và các tự do của con người,

Nhận thấy rằng mỗi cá nhân, trong khi có nghĩa vụ đối với người khác và đối với cộng đồng của mình, thì phải có trách nhiệm phấn đấu

cho việc thăng tiến và tôn trọng các quyền đã được thừa nhận trong Công ước này,

Đã thỏa thuận những điều khoản sau đây :

Phần I

Điều 1

1. Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.

2. Vì lợi ích của mình, các dân tộc đều có thể tự do định đoạt tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình mà không làm phương hại đến các nghĩa vụ phát sinh từ hợp tác kinh tế quốc tế, dựa trên nguyên tắc các bên cùng có lợi và nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Trong mọi trường hợp, không được phép tước đi những phương tiện sinh tồn của một dân tộc.

3. Các quốc gia thành viên của Công ước này, kể cả các quốc gia có trách nhiệm quản lý các lãnh thổ ủy trị và các lãnh thổ quản thác, phải thúc đẩy thực hiện quyền tự quyết và phải tôn trọng quyền đó phù hợp với các qui định của Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Phần II

Điều 2

1. Mỗi quốc gia thành viên của Công ước này cam kết tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền pháp lý của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước này, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc mọi quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc và xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc các điều kiện khác.

2. Trong trường hợp qui định trên đây chưa được thể hiện bằng các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp khác, thì mỗi quốc gia thành viên của Công ước này cam kết sẽ tiến hành các bước cần thiết phù hợp với qui trình đã nêu trong Hiến pháp của mình và những qui định của Công ước này để ban hành pháp luật và những biện pháp cần thiết khác nhằm mục đích thực hiện có hiệu quả các quyền được công nhận trong Công ước này.

3. Mỗi quốc gia thành viên của Công ước này cam kết :

a) Bảo đảm rằng bất cứ người nào bị xâm phạm những quyền và các tự do như được công nhận trong Công ước này, thì đều được bảo hộ pháp lý một cách có hiệu quả, cho dù sự xâm phạm này là do hành vi của những người thừa hành công vụ gây ra ;

b) Tăng cường những khả năng bảo hộ pháp lý và bảo đảm rằng cơ quan tư pháp, hành chính hoặc cơ quan lập pháp có thẩm quyền hoặc những nhà chức trách có thẩm quyền khác do hệ thống pháp luật của quốc gia qui định sẽ phán quyết về quyền của bất kỳ người nào yêu cầu bảo hộ pháp lý ;

c) Bảo đảm rằng các nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cưỡng bức việc thực hiện bảo hộ pháp lý đã đề ra.

Điều 3

Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thừa hưởng các quyền dân sự và chính trị mà Công ước này đề ra.

Điều 4

1. Trong thời gian tình trạng khẩn cấp được công bố chính thức, đe dọa sự sống còn của quốc gia, thì các quốc gia thành viên của Công ước này có thể áp dụng những biện pháp trái với những nghĩa vụ nêu trong Công ước này trong phạm vi do nhu cầu tình hình bắt buộc đòi hỏi, với điều kiện những biện pháp thuộc loại này không trái với những

nghĩa vụ khác xuất phát từ Luật quốc tế và không chứa đựng nội dung phân biệt đối xử về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo hoặc nguồn gốc xã hội.

2. Trên cơ sở qui định này, không cho phép làm trái các điều 6, 7, 8 (các khoản 1 và 2), 11, 15, 16 và 18.

3. Mỗi quốc gia thành viên của Công ước này khi sử dụng quyền hạn chế trên đây, phải thông báo ngay cho các quốc gia thành viên khác thông qua trung gian là Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc về những qui định mà quốc gia đó hủy bỏ, lý do của việc hủy bỏ. Và cũng thông qua trung gian trên, phải thông báo tiếp theo thời gian mà quốc gia này chấm dứt sự hủy bỏ đó.

Điều 5

1. Không được phép giải thích bất kỳ một qui định nào của Công ước này để qua đó có hàm ý tạo cho một quốc gia, một nhóm người hoặc một cá nhân có được một quyền nào đó để tiến hành những công việc hoặc hành động nhằm mục đích hủy bỏ bất kỳ quyền và tự do nào được công nhận trong Công ước hoặc nhằm giới hạn những quyền và tự do đó quá mức độ qui định trong Công ước.

2. Không được phép hạn chế hoặc hủy bỏ các quyền căn bản của con người đã được công nhận hoặc hiện hữu tại một quốc gia thành viên của Công ước này trên cơ sở luật, điều ước, các qui định pháp luật hoặc tập quán với cơ là Công ước này không công nhận những quyền ấy hoặc công nhận ở một mức độ thấp hơn.

Phần III

Điều 6

1. Mọi người đều có quyền sống cố hữu của mình. Quyền này được pháp luật bảo vệ. Không ai được phép độc đoán tước đoạt mạng sống của bất cứ người nào.

2. Ở những nước mà hình phạt tử hình chưa được xóa bỏ thì chỉ được phép áp dụng án tử hình đối với những tội ác nghiêm trọng nhất căn cứ vào luật pháp hiện hành ở thời điểm thực hiện tội ác và không được trái với những qui định của Công ước này và Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng. Hình phạt tử hình chỉ được thi hành trên cơ sở bản án đã có hiệu lực pháp luật do một tòa án có thẩm quyền phán quyết.

3. Khi việc tước đoạt mạng sống của con người là tội ác diệt chủng, cần hiểu rằng không một qui định nào của điều này cho phép bất kỳ một quốc gia thành viên nào của Công ước này, bằng bất kỳ cách nào được giảm nhẹ các nghĩa vụ mà họ đảm nhận theo qui định của Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng.

4. Bất kỳ người nào bị kết án tử hình đều có quyền xin ân giảm hoặc xin thay đổi mức hình phạt. Việc ân xá, ân giảm hoặc chuyển đổi hình phạt tử hình phải được áp dụng đối với tất cả mọi trường hợp.

5. Không được phép tuyên án tử hình đối với người phạm tội ác dưới 18 tuổi và đối với phụ nữ đang có thai.

6. Không được phép sử dụng bất kỳ một qui định nào trong điều này để làm chậm trễ hoặc ngăn cản việc xóa bỏ hình phạt tử hình tại bất cứ quốc gia thành viên nào của Công ước.

Điều 7

Không một người nào có thể bị tra tấn, đối xử hoặc bị áp dụng hình phạt một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc nhục hình. Đặc biệt, không một người nào có thể bị sử dụng để làm thí nghiệm y học hoặc khoa học mà không có sự đồng ý tự nguyện của người đó.

Điều 8

1. Không được phép bắt giữ làm nô lệ bất cứ người nào; chế độ nô lệ và buôn bán nô lệ dưới bất kỳ mọi hình thức đều bị cấm.

2. Không một người nào có thể bị bắt làm nô dịch.

3. a) Không được đòi hỏi bất kỳ một người nào phải lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức ;

b) Ở những nước còn áp dụng hình phạt tù kèm lao động cưỡng bức đối với một tội ác, thì qui định tại khoản 3 (điểm a) của điều này không loại trừ việc bắt làm lao động cưỡng bức để thi hành hình phạt do một tòa án có thẩm quyền đã tuyên ;

c) Theo nghĩa của khoản này, thuật ngữ “lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức” không bao gồm :

i) Bất kỳ công việc hoặc dịch vụ nào không được nói tại điểm b, mà thông thường đòi hỏi một người bị giam giữ theo quyết định hợp pháp của tòa án hoặc một người khi được trả tự do có điều kiện phải làm ;

ii) Trong những quốc gia mà quyền từ chối nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm được công nhận, thì bất kỳ dịch vụ nào mang tính chất quân sự và bất kỳ dịch vụ quốc gia nào do luật pháp cho phép từ chối thực hiện nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm quy định ;

iii) Mọi dịch vụ đặt ra trong trường hợp khẩn cấp hoặc tai biến đe dọa đến tính mạng hoặc đời sống của cả cộng đồng ;

iv) Mọi công việc hoặc dịch vụ được coi là một phần của các nghĩa vụ dân sự thông thường.

Điều 9

1. Mọi người đều có quyền hưởng tự do và an ninh cá nhân. Không ai bị bắt hoặc bị giam giữ vô cớ. Không một ai bị tước quyền tự do trừ trường hợp có lý do và phải theo đúng những thủ tục mà luật pháp đã qui định.

2. Bất cứ người nào bị bắt giữ đều phải được thông báo vào lúc họ bị bắt về những lý do bị bắt và được thông báo không chậm trễ về sự buộc tội đối với người đó.

3. Bất cứ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ vì một tội phạm hình sự phải sớm được đưa ra tòa hoặc một cơ quan pháp luật có thẩm quyền để tiến hành tố tụng và phải được xét xử trong một thời hạn hợp lý hoặc trả tự do. Không được đưa thành nguyên tắc chung rằng những người đang chờ xét xử phải bị giam giữ, nhưng việc trả tự do cho họ có thể kèm theo những điều kiện bảo đảm cho việc họ sẽ có mặt tại tòa án vào bất cứ giai đoạn nào của quá trình xét xử và thi hành án.

4. Bất cứ người nào do bị bắt hoặc giam giữ mà bị tước tự do đều có quyền yêu cầu xét xử trước tòa án, nhằm mục đích để tòa án đó có thể quyết định không chậm trễ về tính hợp pháp của việc giam giữ và trả lại tự do, nếu việc giam giữ là bất hợp pháp.

5. Bất cứ người nào trở thành nạn nhân của việc bị bắt hoặc bị giam cầm bất hợp pháp đều có quyền yêu cầu được bồi thường.

Điều 10

1. Những người bị tước tự do phải được đối xử nhân đạo và phải tôn trọng nhân phẩm cố hữu của họ.

2 a) Trừ những hoàn cảnh đặc biệt, bị cáo phải được giam giữ riêng, cách ly khỏi những người đã thành án và phải được đối xử theo chế độ riêng phù hợp qui chế đối với người bị tạm giam ;

b) Những bị cáo chưa đến tuổi thành niên phải được tách riêng khỏi người lớn và phải được đưa ra xét xử càng nhanh càng tốt.

3. Chế độ nhà lao phải nhằm mục đích chính yếu trong việc xử lý với tù nhân là cải tạo và phục hồi đời sống xã hội của họ. Những phạm nhân chưa đến tuổi thành niên phải được tách riêng khỏi người lớn và phải được đối xử phù hợp lứa tuổi của họ và qui chế pháp lý.

Điều 11

Không ai bị bỏ tù chỉ vì lý do không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Điều 12

1. Bất cứ ai cư trú hợp pháp trong lãnh thổ của một nước đều có quyền tự do đi lại và tự do chọn nơi cư trú trong phạm vi lãnh thổ đó.

2. Mọi người đều có quyền tự do rời khỏi bất kỳ nước nào, kể cả đất nước của chính người đó.

3. Không được hạn chế những quyền trên đây, trừ những hạn chế do luật định do cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội hoặc các quyền và tự do của người khác và phải phù hợp với những quyền khác được Công ước này công nhận.

4. Không một ai bị tước đoạt một cách độc đoán quyền trở về đất nước của người đó.

Điều 13

Một người nước ngoài cư trú hợp pháp trên lãnh thổ một quốc gia thành viên của Công ước này chỉ có thể bị trục xuất khỏi nước đó theo quyết định phù hợp pháp luật, trừ trường hợp khác do yêu cầu cấp thiết về an ninh quốc gia, người bị trục xuất được phép đệ trình những lý lẽ phản đối việc trục xuất và được yêu cầu nhà chức trách có thẩm quyền, người hoặc những người do nhà chức trách có thẩm quyền đặc biệt cử ra, xem xét lại trường hợp của mình và được đại diện khi trường hợp của mình được xem xét lại.

Điều 14

1. Tất cả mọi người đều bình đẳng trước tòa án và cơ quan tài phán. Bất kỳ người nào đều có quyền đòi hỏi việc xét xử công bằng và công khai do một tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị và

được lập ra trên cơ sở pháp luật để quyết định về lời buộc tội trong vụ án hình sự hoặc xác định quyền và nghĩa vụ của người đó trong tố tụng dân sự. Báo chí và công chúng có thể không được phép dự toàn bộ hoặc một phần của phiên xét xử vì lý do đạo đức, trật tự công cộng hoặc an ninh quốc gia trong một xã hội dân chủ hoặc khi mà lợi ích giữ kín đời tư của các bên tham gia tố tụng đòi hỏi, hoặc trong những hoàn cảnh đặc biệt, xét thấy đúng là cần thiết Tòa án cho rằng việc xét xử công khai có thể làm phương hại đến việc tìm ra công lý. Tuy nhiên các phán quyết trong vụ án dân sự hoặc hình sự phải được công bố, trừ trường hợp lợi ích của người vị thành niên đòi hỏi cần làm khác hoặc xét xử liên quan đến những tranh chấp hôn nhân về việc đỡ đầu trẻ em.

2. Người bị buộc là phạm một tội hình sự có quyền được coi là vô tội cho tới khi tội của người đó được chứng minh theo pháp luật.

3. Trong quá trình xét xử về một tội hình sự, mỗi người đều có quyền đòi hỏi một cách bình đẳng đầy đủ những bảo đảm tối thiểu sau đây :

- a) Được thông báo không chậm trễ và chi tiết bằng một ngôn ngữ mà người đó hiểu về bản chất và lý do buộc tội mình ;
- b) Có đủ thời gian phù hợp và điều kiện thuận tiện để chuẩn bị bào chữa và liên hệ với người bào chữa do chính mình lựa chọn ;
- c) Được xét xử không chậm trễ thái quá ;
- d) Được có mặt trong khi xét xử và được tự bào chữa hoặc nhờ sự giúp đỡ về pháp lý do mình chọn ; nếu chưa có sự giúp đỡ về pháp lý thì phải được thông báo về quyền này ; trong trường hợp do lợi ích của công lý đòi hỏi, phải bố trí cho người đó một sự giúp đỡ về pháp lý mà không phải trả tiền nếu người đó không có đủ điều kiện trả ;
- e) Được thẩm vấn hoặc nhờ người thẩm vấn những nhân chứng buộc tội mình và được mời người làm chứng đại diện cho mình tới

phiên tòa và thẩm vấn tại tòa với những điều kiện giống như đối với những người làm chứng buộc tội mình ;

f) Được giúp đỡ về phiên dịch không phải trả tiền, nếu người đó không hiểu hoặc không nói được ngôn ngữ sử dụng trong phiên tòa ;

g) Không bị ép buộc phải chứng minh chống lại chính mình hoặc buộc tự thú là mình có tội.

4. Tố tụng áp dụng đối với những người chưa thành niên phải lưu tâm tới độ tuổi của họ và nhằm khuyến khích họ trở về với đời sống xã hội.

5. Bất cứ người nào bị kết án là phạm một tội ác đều có quyền yêu cầu tòa án cấp cao hơn xem xét lại bản án và hình phạt đối với mình theo quy định của pháp luật.

6. Khi một người qua một quyết định chung thẩm bị kết án về một tội phạm ít nghiêm trọng và sau đó bản án bị hủy bỏ hoặc nếu người đó lại được tuyên là vô tội trên cơ sở tình tiết mới cho thấy có sự nhầm lẫn tư pháp thì người đã chịu hình phạt trên cơ sở quyết định trên đây, được bồi thường theo luật định, trừ phi được chứng minh rằng việc không kịp thời vạch trần sự thật chưa biết, hoặc toàn bộ hoặc một phần, gán cho người bị kết án.

7. Không một người nào bị đưa ra xét xử hoặc bị trừng phạt lần thứ hai về cùng một tội phạm mà một bản án có hiệu lực pháp luật đã tuyên hoặc về tội phạm mà người đó đã được tuyên trắng án phù hợp với pháp luật và tố tụng của mỗi nước.

Điều 15

1. Không ai có thể bị kết án phạm tội hình sự vì một hành động hoặc chưa hành động mà các hình thức này không được xem là tội phạm theo luật quốc gia hoặc luật quốc tế vào thời gian xảy ra hành vi đó. Cũng không được áp dụng hình phạt nặng hơn hình phạt đã ấn định

vào thời gian xảy ra hành vi phạm tội. Nếu sau khi xảy ra hành vi phạm tội, luật pháp lại qui định hình phạt nhẹ hơn, thì người phạm tội được hưởng mức hình phạt nhẹ đó.

2. Không một qui định nào trong điều này cản trở việc xét xử hoặc trừng trị những người mà hành động hoặc chưa hành động của họ vào lúc xảy ra sự việc được coi là tội phạm theo nguyên tắc pháp luật chung đã được cộng đồng các quốc gia công nhận.

Điều 16

Mọi người đều có quyền được công nhận là thể nhân trước pháp luật ở bất kỳ nơi nào.

Điều 17

1. Không ai bị can thiệp một cách độc đoán hoặc bất hợp pháp đến đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xúc phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín.

2. Mọi người đều có quyền được luật pháp bảo hộ chống lại những can thiệp hoặc xúc phạm như vậy.

Điều 18

1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền tự do này bao gồm tự do theo hoặc gia nhập một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một cách riêng tư hay trong tập thể với nhiều người khác, công khai hoặc thầm kín dưới hình thức thờ cúng, nghi lễ, thực hành và diễn giảng.

2. Không một ai bị ép buộc làm những điều tổn hại đến quyền tự do lựa chọn một tôn giáo hoặc tín ngưỡng.

3. Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi những qui định của pháp luật và những giới hạn này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo

đức của công chúng hoặc những quyền và tự do căn bản của người khác.

4. Các quốc gia thành viên Công ước này cam kết tôn trọng quyền tự do của các bậc cha mẹ và trong trường hợp có thể áp dụng được, quyền tự do của những người đỡ đầu hợp pháp trong việc giáo dục tôn giáo và luân lý cho con cái họ theo ý nguyện riêng của họ.

Điều 19

1. Mọi người đều có quyền giữ quan điểm của mình mà không bị ai can thiệp vào.

2. Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm cả quyền tự do tìm kiếm, nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, không phân biệt ranh giới, từ hình thức truyền miệng, hoặc bằng bản viết, bản in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật cho đến thông qua mọi phương tiện đại chúng khác tùy theo sự lựa chọn của họ.

3. Việc thực hiện những quyền qui định tại khoản 2 của điều này cần xử lý theo những nghĩa vụ và trách nhiệm đặc biệt. Do đó, có thể dẫn tới một số hạn chế nhất định, tuy nhiên, những hạn chế này phải được pháp luật qui định và cần thiết để :

a) Tôn trọng các quyền hoặc uy tín của người khác ;

b) Bảo vệ an ninh quốc gia hoặc trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng.

Điều 20

1. Mọi tuyên truyền cho chiến tranh đều bị pháp luật nghiêm cấm.

2. Mọi chủ trương nhằm gây hấn thù dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo để kích động phân biệt chủng tộc, thù địch hoặc bạo lực đều bị pháp luật nghiêm cấm.

Điều 21

Quyền hội họp trong thuận hòa phải được công nhận. Việc thực hiện quyền này không bị hạn chế, trừ trường hợp do pháp luật qui định và những hạn chế này là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, để bảo vệ sức khỏe hay đạo đức của công chúng, hoặc bảo vệ các quyền và các tự do của những người khác.

Điều 22

1. Mọi người có quyền tự do lập hội với những người khác, kể cả quyền thành lập và gia nhập các công đoàn để bảo vệ lợi ích của mình.

2. Việc thực hiện quyền này không bị hạn chế, trừ trường hợp do pháp luật qui định và những hạn chế này là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, để bảo vệ sức khỏe hay đạo đức của công chúng, hoặc các quyền và các tự do của những người khác. Điều này không ngăn cản việc hạn chế hợp pháp trong việc thi hành những quyền nói trên đối với những thành viên trong các lực lượng vũ trang và cảnh sát.

3. Không một qui định nào của điều này cho phép các nước tham gia Công ước 1948 của Tổ chức Lao động Quốc tế về Tự do Lập hội và Bảo vệ Quyền được tổ chức Hội được tiến hành những biện pháp lập pháp hoặc áp dụng luật làm phương hại đến những đảm bảo nêu trong Công ước đó.

Điều 23

1. Gia đình là một nhóm đơn vị cơ bản và tự nhiên của xã hội và có quyền được xã hội và Nhà nước bảo hộ.

2. Quyền kết hôn và thành lập gia đình của nam và nữ đã đến tuổi kết hôn được thừa nhận.

3. Không được kết hôn nếu đôi nam nữ sắp kết hôn không có sự thỏa thuận tự do và hoàn toàn đồng ý.

4. Các quốc gia thành viên Công ước này tiến hành các bước thích hợp để bảo đảm sự bình đẳng về quyền và trách nhiệm của vợ và chồng đối với hôn nhân trong suốt thời gian chung sống và khi ly hôn. Trong trường hợp ly hôn, phải có qui định và bảo đảm việc bảo hộ cần thiết đối với con cái.

Điều 24

1. Mọi trẻ em, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản hoặc dòng dõi đều có quyền được hưởng những biện pháp bảo hộ của gia đình, xã hội và nhà nước theo qui chế đối với vị thành niên.

2. Mọi trẻ em phải được đăng ký khai sinh ngay sau khi ra đời và phải có một tên gọi.

3. Mọi trẻ em đều có quyền có một quốc tịch.

Điều 25

1. Mọi công nhân, không có bất kỳ sự phân biệt nào như đã nêu ở điều 2 và không có sự hạn chế bất hợp lý nào, đều có quyền và cơ hội để :

a) Tham gia điều hành các việc công một cách trực tiếp hoặc thông qua những đại diện được họ tự do lựa chọn ;

b) Bầu cử và ứng cử trong các cuộc bầu cử định kỳ chân thực, bằng phổ thông đầu phiếu, bình đẳng và bỏ phiếu kín nhằm đảm bảo cho cử tri tự do bày tỏ ý chí của mình ;

c) Được hưởng các dịch vụ công cộng tại đất nước của mình trên cơ sở bình đẳng.

Điều 26

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo hộ bình đẳng, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào. Về mặt này, pháp luật phải cấm mọi sự phân biệt đối xử và bảo đảm cho mọi người sự bảo hộ bình đẳng và có hiệu quả chống lại những phân biệt đối xử vì chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc mọi quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc các điều kiện khác.

Điều 27

Ở những nước có nhiều nhóm dân tộc thiểu số, tôn giáo và ngôn ngữ, thì những cá nhân thuộc các dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ thiểu số đó, cùng với những thành viên khác của cộng đồng mình, không thể bị tước bỏ quyền có đời sống văn hóa riêng, quyền được theo và thực hành tôn giáo riêng, hoặc quyền sử dụng tiếng nói riêng.

*(**Ghi chú** : Công ước này còn có hai chương nói đến việc thành lập Ủy hội Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, các cơ cấu, thể thức điều hành của Ủy hội. Đó là chương IV gồm điều 28 đến điều 45, và chương V gồm có điều 46 đến điều 53. Chúng tôi không dịch vì nhận thấy chưa cần thiết lắm cho những người đấu tranh cho nhân quyền tại Việt Nam, nơi Nhà nước Xã hội chủ nghĩa chưa chú trọng và bảo vệ quyền con người. Trái lại, ba chương dịch trên đây cung cấp đầy đủ các quyền hạn và những tự do mà người công dân được hưởng, được tôn trọng, được Liên Hiệp Quốc và các quốc gia thành viên ký kết Công ước bảo vệ. Việt Nam đã ký kết tham gia từ năm 1982).*

Công Ước Quốc Tế Về Các Quyền Kinh tế, Xã Hội và Văn Hóa

Thông qua và để ngỏ cho các nước ký kết, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc số 2200A (XXI) ngày 16-12-1966.

Có hiệu lực ngày 3-1-1976 căn cứ theo điều 27.

Việt Nam gia nhập ngày 24-9-1982.

Lời Nói Đầu

Các Quốc gia thành viên Công ước này,

Xét rằng, theo những nguyên tắc nêu trong Hiến chương của Liên Hiệp Quốc, việc công nhận phẩm giá cố hữu và những quyền bình đẳng và bất di bất dịch của mọi thành viên trong cộng đồng nhân loại là nền tảng của tự do, công lý và hòa bình trên thế giới,

Thừa nhận rằng, những quyền này bắt nguồn từ phẩm giá cố hữu của con người,

Thừa nhận rằng theo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền thì chỉ có thể đạt được lý tưởng của con người tự do được sống không bị sợ hãi và thiếu tổn, nếu tạo được điều kiện cho mọi người đều có thể hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cũng như các quyền dân sự, chính trị của mình,

Xét rằng theo Hiến chương Liên Hiệp Quốc thì các quốc gia có nghĩa vụ thúc đẩy sự tôn trọng và bảo đảm mọi mặt các quyền và các tự do của con người,

Nhận thấy rằng mọi cá nhân, trong khi có nghĩa vụ đối với người khác và đối với cộng đồng của mình, thì phải có trách nhiệm phấn đấu cho việc thăng tiến và tôn trọng các quyền đã được thừa nhận trong Công ước này ;

Đã thỏa thuận những điều khoản sau đây :

Phần I

Điều 1

1. Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.

2. Vì lợi ích của mình, các dân tộc đều có thể tự do định đoạt tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình mà không làm phương hại đến các nghĩa vụ phát sinh từ hợp tác kinh tế quốc tế, các nghĩa vụ dựa trên nguyên tắc các bên cùng có lợi và nguyên tắc của luật pháp quốc tế. Trong mọi trường hợp, không được phép tước đi của một dân tộc những phương tiện sinh tồn của chính họ.

3. Các quốc gia thành viên của Công ước này, kể cả các quốc gia có trách nhiệm quản lý các lãnh thổ ủy trị và các lãnh thổ quản thác, phải thúc đẩy thực hiện quyền tự quyết và phải tôn trọng quyền đó phù hợp với các quy định của Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Phần II

Điều 2

1. Mỗi quốc gia thành viên của Công ước này cam kết sẽ tiến hành các biện pháp, riêng rẽ và thông qua sự hợp tác và giúp đỡ quốc tế, đặc biệt là các biện pháp kinh tế và kỹ thuật, sử dụng tới mức tối đa các tài nguyên sẵn có của mình, nhằm thực hiện ngày càng đầy đủ các quyền được công nhận trong Công ước này bằng mọi biện pháp thích hợp, đặc biệt bao gồm cả việc thông qua những biện pháp lập pháp.

2. Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết bảo đảm rằng các quyền được nêu trong Công ước này sẽ được thi hành không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hoặc các quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc các điều kiện khác.

3. Vì quan tâm đến quyền con người và nền kinh tế quốc gia của họ, các nước đang phát triển có thể quyết định mức độ bảo đảm các quyền về kinh tế cho những người không phải là công dân của họ mà Công ước này công nhận.

Điều 3

Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thụ hưởng tất cả các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa mà Công ước này đề ra.

Điều 4

Các quốc gia thành viên của Công ước này thừa nhận rằng, trong khi ấn định các quyền mà mỗi cá nhân được hưởng phù hợp với các quy định của Công ước này, mỗi quốc gia chỉ có thể đặt ra những hạn chế bằng các quy định pháp luật và chỉ trong chừng mực các hạn chế ấy không trái với bản chất của các quyền nói trên và hoàn toàn vì mục đích thăng tiến phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

Điều 5

1. Không một điều khoản nào trong Công ước này có thể được giải thích là có hàm ý cho phép một nước, một nhóm người hoặc một cá nhân được quyền tham gia hoặc tiến hành các hành động nhằm phá hoại những quyền hoặc tự do được Công ước này công nhận, hoặc nhằm giới hạn các quyền đó quá mức Công ước này quy định.

2. Không được có sự hạn chế hoặc hạ thấp giá trị nào đối với các quyền căn bản của con người đã được công nhận hoặc đang tồn tại ở bất kỳ nước nào dưới hình thức luật, công ước, các quy định hoặc tập quán với có là Công ước này không công nhận các quyền đó hoặc công nhận chúng ở mức thấp hơn.

Phần III

Điều 6

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này thừa nhận quyền làm việc, trong đó bao gồm quyền của tất cả mọi người có cơ hội kiếm sống bằng công việc do họ tự do lựa chọn hoặc chấp nhận, và các quốc gia sẽ thi hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm quyền này.

2. Các biện pháp mà một quốc gia thành viên của Công ước này tiến hành để thực hiện đầy đủ quyền này sẽ bao gồm các chương trình huấn luyện kỹ thuật và hướng nghiệp, các chính sách và biện pháp kỹ thuật nhằm đạt tới sự phát triển vững chắc về kinh tế, xã hội và văn hóa, tạo công ăn việc làm đầy đủ và hữu ích với điều kiện đảm bảo các quyền tự do căn bản về chính trị và kinh tế của từng cá nhân.

Điều 7

Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt bảo đảm :

a) Trả thù lao cho tất cả mọi người làm công, ít nhất phải :

(i) Trả lương thỏa đáng và thù lao bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau, không có sự phân biệt đối xử nào ; đặc biệt là phụ nữ được bảo đảm những điều kiện làm việc không kém hơn đàn ông, được trả công bằng nhau đối những công việc như nhau ;

(ii) Bảo đảm một cuộc sống tương đối đầy đủ cho họ và gia đình họ phù hợp với các quy định của Công ước này ;

b) Những điều kiện làm việc an toàn và vệ sinh ;

c) Cơ hội ngang nhau cho mọi người trong việc được đề cử từ công việc của mình lên chức vụ thích hợp cao hơn, không được xét gì khác ngoài tính cách thâm niên và khả năng làm việc ;

d) Sự nghỉ ngơi, thời gian rảnh rỗi, giới hạn hợp lý số giờ làm việc, những ngày nghỉ thường kỳ được hưởng lương cũng như thù lao cho những ngày nghỉ lễ.

Điều 8

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết bảo đảm :

a) Quyền của mọi người được thành lập và gia nhập công đoàn mà mình lựa chọn, chỉ phải tuân theo quy chế của tổ chức đó để thăng tiến và bảo vệ các lợi ích kinh tế và xã hội của mình. Việc thực hiện quyền này chỉ bị những hạn chế do luật pháp ấn định và cần thiết đối với một xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia và trật tự công cộng, hoặc vì mục đích bảo vệ các quyền và tự do của người khác ;

b) Quyền của các tổ chức công đoàn được thành lập các liên hiệp công đoàn quốc gia và quyền của các liên hiệp công đoàn được thành lập hay gia nhập các tổ chức công đoàn quốc tế ;

c) Quyền của các công đoàn được hoạt động tự do, không hề bị một sự hạn chế nào ngoài những hạn chế do luật pháp quy định và

cần thiết đối với xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia và trật tự công cộng, hoặc vì mục đích bảo vệ các quyền và tự do của người khác ;

d) Quyền đình công với điều kiện là quyền này phải được thực hiện phù hợp với luật pháp của mỗi nước.

2. Điều khoản này không ngăn cản việc áp đặt những hạn chế hợp pháp trong việc thi hành những quyền nói trên đối với các thành viên của các lực lượng vũ trang, cảnh sát hoặc bộ máy chính quyền.

3. Không quy định nào trong điều khoản này cho phép các quốc gia thành viên của Công ước 1948 của Tổ chức Lao động Quốc tế về Tự do Lập hội và Bảo vệ Quyền được tổ chức Hội được dùng các biện pháp lập pháp hoặc áp dụng luật đến mức có thể làm tổn hại các bảo đảm nêu trong Công ước đó.

Điều 9

Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền của mọi người được hưởng an toàn xã hội, kể cả bảo hiểm xã hội.

Điều 10

Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận rằng :

1. Cần phải giúp đỡ và bảo hộ tới mức tối đa có thể được đối với gia đình - là nhóm đơn vị cơ bản và tự nhiên của xã hội, nhất là đối với việc thành lập gia đình và trong khi gia đình có trách nhiệm chăm sóc và giáo dục trẻ em sống lệ thuộc vào gia đình. Việc kết hôn phải được đôi nam nữ sắp kết hôn thỏa thuận tự do.

2. Cần bảo hộ đặc biệt các bà mẹ trong một khoảng thời gian thích đáng trước và sau khi sinh con. Trong khoảng thời gian đó, các bà mẹ cần được nghỉ có lương hoặc nghỉ với đầy đủ các phúc lợi bảo hiểm xã hội.

3. Cần áp dụng những biện pháp bảo vệ và giúp đỡ đặc biệt đối với tất cả thanh thiếu niên, không có sự phân biệt đối xử vì các lý do về cha mẹ hoặc các điều kiện khác. Thanh thiếu niên cần được bảo vệ không bị bóc lột về kinh tế và xã hội. Việc thuê thanh thiếu niên làm các công việc có hại cho tinh thần hoặc sức khỏe hoặc nguy hiểm tới tính mạng hoặc có hại tới sự phát triển bình thường của chúng phải bị luật pháp trừng phạt. Các quốc gia cần định ra những giới hạn tuổi mà việc thuê lao động trẻ em dưới hạn tuổi đó phải bị luật pháp ngăn cấm và trừng phạt.

Điều 11

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền của tất cả mọi người có mức sống đủ cho bản thân và gia đình mình, kể cả quyền được ăn đủ, mặc đủ và có nhà ở ; quyền được cải thiện không ngừng điều kiện sống. Các quốc gia thành viên sẽ thi hành những biện pháp thích hợp bảo đảm việc thực hiện quyền này, và vì mục đích đó, công nhận tầm quan trọng thiết yếu của sự hợp tác quốc tế dựa trên sự thỏa thuận tự do.

2. Trên cơ sở công nhận quyền cơ bản của mọi người là không bị đói khổ, các quốc gia thành viên của Công ước này sẽ thực hiện, đơn phương và thông qua hợp tác quốc tế, các biện pháp, kể cả các chương trình cụ thể cần thiết nhằm :

a) Cải thiện các phương pháp sản xuất, bảo quản và phân phối lương thực, thực phẩm bằng cách tận dụng các kiến thức khoa học và kỹ thuật, bằng cách phổ biến kiến thức về các nguyên tắc nuôi dưỡng, và bằng cách phát triển và cải tổ lại hệ thống ruộng đất sao cho có thể phát triển và sử dụng các tài nguyên thiên nhiên ở mức đầy đủ nhất ;

b) Bằng vào các vấn đề xuất nhập khẩu lương thực từ các nước để bảo đảm theo nhu cầu sự phân phối công bằng các nguồn lương thực, thực phẩm của thế giới.

Điều 12

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền của mọi người đạt tiêu chuẩn sức khỏe về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể có.

2. Các biện pháp mà các quốc gia thành viên của Công ước này sẽ thi hành để thực hiện đầy đủ quyền này bao gồm những điều cần thiết về :

- a) Những quy định nhằm làm giảm bớt tỷ lệ tử thai, tử vong của trẻ sơ sinh và nhằm đạt được sự phát triển lành mạnh của trẻ em ;
- b) Việc cải thiện mọi mặt về vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp ;
- c) Việc ngăn ngừa, xử lý và hạn chế các dịch bệnh, bệnh ngoài da, bệnh nghề nghiệp và các loại bệnh khác ;
- d) Việc tạo các điều kiện bảo đảm mọi dịch vụ và sự chăm sóc y tế đau yếu.

Điều 13

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận quyền được hưởng nền giáo dục cho mọi người. Các quốc gia thỏa thuận rằng giáo dục phải hướng đến việc phát triển đầy đủ nhân cách và ý thức về nhân phẩm, sẽ tăng cường sự tôn trọng các quyền con người và những quyền tự do căn bản. Các quốc gia còn thỏa thuận rằng giáo dục sẽ tạo điều kiện cho mọi người tham gia một cách có hiệu quả vào một xã hội tự do, tăng cường sự hiểu biết, lòng khoan dung và tình hữu nghị giữa các dân tộc, các chủng tộc, người thiểu số hoặc tín đồ tôn giáo, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của Liên Hiệp Quốc nhằm duy trì hòa bình.

2. Nhằm thực hiện đầy đủ quyền này, các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận rằng :

a) Cưỡng bách nền giáo dục tiểu học, và không mất tiền đối với tất cả mọi người

b) Giáo dục trung học dưới nhiều hình thức khác nhau, kể cả giáo dục trung học chuyên nghiệp và kỹ thuật sẽ được phổ cập tới tất cả mọi người bằng mọi biện pháp thích hợp, đặc biệt là bằng cách từng bước áp dụng giáo dục không mất tiền ;

c) Giáo dục cao đẳng phải được phổ cập cho mọi người, theo cơ sở khả năng, bằng mọi phương tiện thích hợp, và đặc biệt đồng đều tiến tới giáo dục không mất tiền ;

d) Giáo dục cơ bản đối với những người chưa kinh qua hoặc chưa hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục tiểu học sẽ được khuyến khích hoặc tăng cường tới mức có thể được ;

e) Tích cực phát triển một hệ thống trường học ở tất cả mọi cấp, xây dựng một chế độ học bổng thích đáng, và không ngừng cải thiện các điều kiện vật chất cho đội ngũ giáo viên.

3. Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết tôn trọng quyền tự do của các bậc cha mẹ và của những người giám hộ hợp pháp (nếu có) trong việc lựa chọn cho con cái của họ vào các trường không nằm trong hệ thống nhà trường do chính quyền đặt ra, nhưng đáp ứng được các tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu mà nhà nước định ra hoặc chấp thuận, cũng như bảo đảm giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con cái họ theo tín ngưỡng riêng của họ.

4. Không một quy định nào trong điều này được giải thích nhằm làm phương hại đến tự do của cá nhân và của các tổ chức được quyền thành lập và điều hành các cơ quan giáo dục, đương nhiên là các cá nhân hay tổ chức đó phải tuân thủ các nguyên tắc được nêu trong khoản 1 của điều này và đáp ứng đòi hỏi rằng giáo dục trong các cơ sở đó phải phù hợp với tiêu chuẩn tối thiểu mà nhà nước có thể định ra.

Điều 14

Mỗi quốc gia thành viên của Công ước này, mà khi trở thành thành viên, chưa thể thực hiện được nền giáo dục tiểu học bắt buộc và không mất tiền trong phạm vi lãnh thổ hoặc các đất đai khác thuộc quyền tài phán của mình, sẽ cam kết, trong vòng hai năm vạch ra và thông qua một kế hoạch hành động chi tiết, nhằm thực hiện từng bước nguyên tắc cưỡng bức giáo dục, không phải trả tiền cho tất cả mọi người trong phạm vi một số năm thích đáng được ấn định trong kế hoạch đó.

Điều 15

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận mọi người đều có quyền :

a) Được tham gia vào đời sống văn hóa ;

b) Được hưởng các lợi ích của tiến bộ khoa học và các ứng dụng của nó ;

c) Được bảo hộ các quyền lợi tinh thần và vật chất phát sinh từ bất kỳ sáng tạo khoa học, văn học hoặc nghệ thuật nào của chính mình.

2. Các biện pháp mà các quốc gia thành viên của Công ước này sẽ tiến hành nhằm thực hiện đầy đủ quyền này phải bao gồm các biện pháp cần thiết cho việc giữ gìn, phát triển và phổ biến khoa học và văn hóa.

3. Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết tôn trọng quyền tự do không thể thiếu được đối với nghiên cứu khoa học và các hoạt động sáng tạo.

4. Các quốc gia thành viên của Công ước này công nhận lợi ích của việc khuyến khích và phát triển các mối quan hệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khoa học và văn hóa.

Phần IV

Điều 16

1. Phù hợp với phần này của Công ước, các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết đệ trình báo cáo về những biện pháp mà mình đã thông qua và những tiến bộ đạt được trong việc tôn trọng các quyền được công nhận trong phần đó.

2.a) Tất cả các báo cáo sẽ được trình lên Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc ; Tổng thư ký sẽ gửi các bản sao cho Hội đồng Kinh tế - Xã hội (Ecosoc) để xem xét theo quy định của Công ước này.

b) Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc cũng sẽ gửi cho các cơ quan chuyên môn những bản sao báo cáo, hoặc bất kỳ phần trích nào thích hợp, của những quốc gia thành viên Công ước, đồng thời cũng là thành viên của các cơ quan chuyên môn này, trong chừng mực những báo cáo này hoặc những phần trích có liên quan đến những vấn đề thuộc trách nhiệm của những cơ quan nói trên phù hợp với quy chế thành lập của các cơ quan đó.

Điều 17

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này sẽ cung cấp báo cáo thường kỳ của mình phù hợp với một chương trình mà Hội đồng Kinh tế và Xã hội sẽ lập ra trong vòng một năm kể từ ngày Công ước có hiệu lực, sau khi tham khảo ý kiến các quốc gia thành viên và các tổ chức chuyên môn liên quan.

2. Các báo cáo có thể nêu rõ những nhân tố và khó khăn làm ảnh hưởng tới mức độ hoàn thành các nghĩa vụ mà Công ước quy định.

3. Trường hợp nước thành viên của Công ước này đã cung cấp từ trước những thông báo tương tự cho Liên Hiệp Quốc hoặc cho bất kỳ một cơ quan chuyên môn nào, họ không cần phải nhắc lại nội dung

thông báo đó mà chỉ cần viện dẫn nguồn của tin tức đã được cung cấp là đủ.

Điều 18

Căn cứ trách nhiệm quy định trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc trong lĩnh vực nhân quyền và các quyền tự do căn bản, Hội đồng Kinh tế - Xã hội có thể dàn xếp với các tổ chức chuyên môn về việc các tổ chức này báo cáo với Hội đồng về những tiến bộ đạt được trong việc tuân thủ những quy định của Công ước thuộc phạm vi hoạt động của các tổ chức chuyên môn đó. Các báo cáo này có thể bao gồm chi tiết của các quyết định và các khuyến nghị trong việc thi hành do các cơ quan có thẩm quyền thông qua.

Điều 19

Hội đồng Kinh tế - Xã hội có thể chuyển cho Ủy hội Nhân quyền các báo cáo liên quan đến các quyền con người do các quốc gia gửi lên theo điều 16, 17 và những báo cáo do các cơ quan chuyên môn gửi lên theo điều 18 để Ủy hội Nhân quyền nghiên cứu và ra khuyến nghị chung hoặc để am hiểu tùy theo sự cần thiết.

Điều 20

Các quốc gia thành viên của Công ước này và các cơ quan chuyên môn liên quan có thể gửi lên Hội đồng Kinh tế - Xã hội những nhận xét của mình về bất kỳ khuyến nghị chung nào nêu trong điều 19, hoặc trích dẫn các khuyến nghị chung nêu trong các báo cáo của Ủy hội Nhân quyền, hoặc trong bất kỳ tài liệu nào mà báo cáo đó đề cập đến.

Điều 21

Hội đồng Kinh tế - Xã hội, trong từng thời kỳ có thể gửi lên Đại hội đồng các báo cáo với những khuyến nghị có tính chất chung và một bản tóm tắt các tin tức về các biện pháp được thực hiện và tiến bộ đạt được trong việc tuân thủ rộng rãi các quyền được công nhận trong

Công ước này mà các quốc gia thành viên của Công ước và các cơ quan chuyên môn gửi đến.

Điều 22

Hội đồng Kinh tế - Xã hội có thể lưu ý các cơ quan khác của Liên Hiệp Quốc, các tổ chức trực thuộc và các cơ quan chuyên môn làm nhiệm vụ giúp đỡ kỹ thuật về bất cứ vấn đề gì nảy sinh từ các báo cáo nêu trong phần này của Công ước có thể giúp các cơ quan ấy quyết định, trong phạm vi thẩm quyền của mình, những biện pháp quốc tế thích hợp nhằm góp phần thực hiện ngày càng có hiệu quả Công ước này.

Điều 23

Các quốc gia thành viên của Công ước này thỏa thuận rằng những biện pháp có tính chất quốc tế nhằm thực hiện các quyền được Công ước công nhận bao gồm cả những biện pháp như ký kết các công ước, thông qua những khuyến nghị, giúp đỡ về kỹ thuật, tổ chức các hội nghị khu vực và hội nghị kỹ thuật nhằm mục đích trao đổi ý kiến và nghiên cứu cùng với các chính phủ hữu quan.

Điều 24

Không một quy định nào của Công ước này được giải thích làm phương hại đến những quy định của Hiến chương Liên Hiệp Quốc và những điều lệ của các tổ chức chuyên môn ấn định trách nhiệm của các cơ quan của Liên Hiệp Quốc và các tổ chức chuyên môn về các vấn đề được đề cập trong Công ước này.

Điều 25

Không một quy định nào của Công ước này được giải thích làm phương hại đến quyền đương nhiên của mọi dân tộc được hưởng và sử dụng một cách đầy đủ và tự do mọi của cải và tài nguyên thiên nhiên của họ.

Phần V

Điều 26

1. Công ước này để ngỏ để các nước thành viên của Liên Hiệp Quốc hoặc thành viên của bất kỳ tổ chức chuyên môn nào của Liên Hiệp Quốc hoặc cho các nước tham gia Quy chế Tòa án Quốc tế, cũng như những nước khác được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc mời tham gia Công ước này ký kết.

2. Công ước này đòi hỏi phải phê chuẩn. Các văn kiện phê chuẩn sẽ được Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc lưu chiếu.

3. Công ước này để ngỏ cho tất cả các nước nêu ở khoản 1 của điều này gia nhập.

4. Việc gia nhập sẽ có hiệu lực khi văn kiện gia nhập được Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc lưu chiếu.

5. Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc thông báo cho tất cả các nước đã ký hoặc gia nhập Công ước này về việc lưu chiếu các văn kiện phê chuẩn hay gia nhập.

Điều 27

1. Công ước này sẽ có hiệu lực ba tháng sau ngày văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện gia nhập thứ 35 được Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc lưu chiếu.

2. Đối với nước nào phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước này, sau khi văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện gia nhập thứ 35 đã được lưu chiếu, thì Công ước này sẽ có hiệu lực sau ba tháng kể từ ngày lưu chiếu văn kiện phê chuẩn hoặc văn kiện gia nhập của nước đó.

Điều 28

1. Những quy định của Công ước này được áp dụng không hạn chế hoặc ngoại lệ nào đối với mọi bộ phận cấu thành của các quốc gia liên bang.

Điều 29

1. Các nước thành viên của Công ước này có thể đề nghị sửa đổi và gửi đề nghị sửa đổi đó đến Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc. Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc sẽ chuyển mọi đề nghị sửa đổi cho các nước thành viên của Công ước cùng với một yêu cầu đề nghị các nước cho Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc biết liệu họ có muốn triệu tập một hội nghị giữa các nước thành viên nhằm xem xét và thông qua những bổ sung hay không. Nếu như có đủ tối thiểu 1/3 số nước tuyên bố tán thành triệu tập hội nghị nói trên thì Tổng thư ký sẽ triệu tập hội nghị dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Mọi sửa đổi được thông qua với đa số các nước có mặt và bỏ phiếu tại hội nghị sẽ được trình Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc chuẩn y.

2. Những sửa đổi sẽ có hiệu lực khi được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc chuẩn y, và được 2/3 các nước thành viên Công ước này chấp nhận theo thủ tục hiến pháp của mình.

3. Khi có hiệu lực, những sửa đổi sẽ chỉ ràng buộc những nước chấp nhận. Những nước thành viên khác bị ràng buộc bởi những quy định của Công ước này và bất kỳ sửa đổi nào trước đây họ đã chấp nhận.

Điều 30

Mặc dù đã có những thông báo nêu trong điều 26 khoản 5, Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc vẫn thông báo cho tất cả các nước nêu ở khoản 1 điều 26 những chi tiết sau :

- a) Các nước ký kết, phê chuẩn và gia nhập Công ước theo điều 26;
- b) Ngày Công ước có hiệu lực theo điều 27 và ngày các điều bổ sung có hiệu lực theo điều 29.

Điều 31

1. Công ước này viết bằng các thứ tiếng Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha đều có giá trị như nhau và sẽ được lưu trữ tại kho lưu trữ Liên Hiệp Quốc.

2. Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc sẽ chuyển các bản sao có chứng thực của Công ước này cho tất cả các nước nêu trên điều 26.

Cơ sở Quê Mẹ & Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam

B.P. 63 - 94472 Boissy Saint-Léger (France)

☎ Paris (33.1) 45 98 30 85 – Fax : Paris (33.1) 45 98 32 61

E-mail : queme@free.fr